

Bản án số: 784/2014/DSPT

Ngày: 30/08/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

*Các Thẩm phán:* : Ông Nguyễn Tiến Dũng

: Ông Bùi Liên Minh

***- Thư ký Phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:*** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố  
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2017/TLPT-DS  
ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2017/DSST ngày 20/4/2017 của Tòa án  
nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1649/2017/QĐ-PT  
ngày 02/8/2017, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị X, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ số: 26/1 Tổ 22, ấp A, xã U, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Lê Tấn T2, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 83 N, ấp C, xã P, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền đã được công chứng số 011361 ngày 13/10/2016 tại  
Văn phòng Công chứng Đất Việt, Thành phố Hồ Chí Minh).

***- Bị đơn:***

1. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1/2 L, Khu phố 4, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí  
Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Bà Đặng Thị H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1/2 L, Khu phố 4, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí  
Minh.

(Theo Giấy ủy quyền đã được công chứng số 012818 ngày 14/11/2016 tại Văn phòng Công chứng Đất Việt, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1/2 L, Khu phố 4, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H:*

Luật sư Nguyễn Hữu M, sinh năm 1972 - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lâm Văn T và bà Đặng Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/8/2016 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Lê Thị X có ông Lê Tấn T2 – đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 25/9/2014, bà Lê Thị X cho bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T vay số tiền 400.000.000 đồng, hai bên có ký hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng Bà Điểm, số công chứng 00139977, quyền số 09/TP/CC – SCC/HĐGD, thời hạn vay tiền là một năm, việc cho vay không tính lãi suất.

- Ngày 30/9/2014, bà Lê Thị X cho bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có ký hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng Bà Điểm, số công chứng 0014297, quyền số 10/TP/CC – SCC/HĐGD, thời hạn vay tiền là 02 tháng, việc cho vay không tính lãi suất.

- Ngày 28/7/2016, Đặng Thị H và ông Lâm Văn T và bà Lê Thị X ký giấy xác nhận nợ không công chứng, chứng thực với nội dung: Ông T, bà H vay của bà X số tiền 600.000.000 đồng, hẹn bán nhà sẽ trả nợ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà X đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H, ông T không trả nợ

Nay bà X khởi kiện bà H, ông T tại Tòa án, yêu cầu trả cho bà số tiền nợ 1.300.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Bà X xác nhận khoản tiền bà cho bà H, ông T vay là tài sản riêng của cá nhân bà, không liên quan đến ai khác.

Bị đơn – bà Đặng Thị H thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Lê Thị X 400.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 25/9/2014 và 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 30/9/2014. Tổng số tiền hai lần vay là 700.000.000 đồng. Trong hợp đồng vay ghi không tính lãi nhưng thực tế vợ chồng bà phải trả lãi cho bà X 4%/tháng. Bà đã đóng tiền lãi đầy đủ cho bà X nhưng mỗi lần trả lãi không lập giấy tờ gì.

Tháng 8/2015, vợ chồng bà có vay của bà X 400.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng, khi vay không làm giấy tờ.

Đến tháng 4/2016, vợ chồng bà mất khả năng trả tiền lãi, bà X đến nhà bà gây rối, buộc vợ chồng bà ký khoản vay 400.000.000 đồng vào tháng 8/2015 và tiền lãi 200.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng. Ngày 28/7/2016, vợ chồng bà ký giấy xác nhận nợ không công chứng, chứng thực với nội dung ông T, bà H vay của bà X số tiền 600.000.000 đồng, hẹn bán được nhà sẽ trả nợ.

Bà H xác nhận còn nợ bà X số tiền 1.300.000.000 đồng, hiện tại bà rất khó khăn, mất khả năng chi trả, bà chỉ đồng ý trả cho bà X số nợ 900.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, trả từ tháng 3/2017.

Bị đơn – ông Lâm Văn T có bà Đặng Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lâm Văn T thống nhất hoàn toàn với ý kiến của bà H, ông xác nhận còn nợ bà X số tiền 1.300.000.000 đồng, hiện tại ông rất khó khăn, mất khả năng chi trả, ông chỉ đồng ý trả cho bà X số nợ 900.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, trả từ tháng 3/2017.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 155/2017/DSST ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 và khoản 1, mục III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính – hướng dẫn việc xét xử thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Bà Lê Thị X.

Buộc bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T phải trả cho bà Lê Thị X số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Việc trả tiền thực hiện trong vòng một tháng tính từ ngày 20/4/2017.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, ông T, bà H không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T và bà H phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng), bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T phải chịu.

Hoàn trả bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009712 ngày 04/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quy định về thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/5/2017, bị đơn - bà Đặng Thị H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng:

1. Bà không nợ bà X số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

2. Hợp đồng vay tiền, không ghi lãi suất nhưng thực tế bà phải trả lãi suất trên số nợ vay của bà X 4%/tháng, sau đó trả lãi 8%/tháng.

3. Bà đã nhiều lần trả tiền lãi và tiền gốc nhưng nguyên đơn không khấu trừ nợ vốn.

4. Bên nguyên đơn nhiều lần đến gây rối an ninh trật tự, ép buộc vợ chồng bà ký giấy nhận nợ với lãi suất cao.

Sau khi thụ lý phúc thẩm, ngày 11/7/2017 bà Đặng Thị H làm đơn kháng cáo bổ sung trình bày như sau:

Bà xác nhận chỉ nợ bà X 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Trong thời gian đó, bà chơi ba dây hụi với bà X, mỗi dây 10.000.000 đồng, bà đóng được khoảng 180.000.000 đồng nhưng bà X không giao cho bà. Do tin tưởng nhau nên bà trả lãi hay đóng hụi đều không có ký giấy. Kể từ đó, bà không còn khả năng trả lãi cho bà X.

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không triệu tập ông Nguyễn Văn Thành (chồng của bà Lê Thị X), cư ngụ tại số 26/1 Tổ 22, ấp A, xã U, huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Có sự gian dối, sắp xếp vụ việc trong diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Tấn T22 – đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X yêu cầu ông Lâm Văn T (chồng bà Đặng Thị H) vắng mặt tại Tòa để ông T2 dàn xếp với bà X, cứ như thế Tòa sơ thẩm được mở và mới đây bà nhận được bản án sơ thẩm.

Ông T2 xúi giục ông T ủy quyền cho vợ đứng tên tham gia vụ kiện để ông Thành lo sẽ êm xuôi hết.

Do đó, đã khiến vợ chồng bà tin tưởng, khiến cho các bản khai, diễn biến phiên tòa không đúng sự thật khách quan. Đồng thời ông T không được tham gia tố tụng trái ý chí nguyện vọng của ông.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm số 155/2017/DS- ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T rút lại yêu cầu kháng cáo bổ sung ngày 11/7/2017.

Nguyên đơn – bà Lê Thị X có ông Lê Tấn T2 - đại diện theo ủy quyền, bị đơn – bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T (ông T có bà Đặng Thị H – đại diện theo ủy quyền) cùng thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Nguyên đơn – bà Lê Thị X đồng ý cho bị đơn - bà Đặng Thị H, ông Lâm Văn T trả số tiền nợ theo các hợp đồng vay tài sản là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trong thời hạn 08 tháng, mỗi tháng trả 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), thi hành việc trả tiền liên tục hàng tháng, trả nợ vào ngày đầu tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2017, hạn chót việc trả nợ là ngày 01/4/2018.

Luật sư Nguyễn Hữu Mẫn – là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án ở giai đoạn phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015

Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án: Bị đơn bà Đặng Thị H, ông Lâm Văn T trả cho nguyên đơn – bà Lê Thị X số nợ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trong thời hạn 08 tháng, mỗi tháng trả 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ ngày 01/9/2017. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 155/2017/DS – ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H nộp đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 11/7/2017, tuy nhiên, đơn kháng cáo bổ sung của bị đơn đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu khi thời hạn kháng cáo đã hết. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H rút lại đơn kháng cáo bổ sung ngày 11/7/2017. Căn cứ Điều 298 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo đó.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn – bà Lê Thị X khởi kiện ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H yêu cầu trả cho bà số tiền vay 1.300.000.000 đồng trong thời hạn một tháng tính từ ngày 20/4/2017, không yêu cầu tính lãi, gồm các khoản vay sau:

Khoản vay 400.000.000 đồng không tính lãi trong thời hạn một năm từ ngày ký hợp đồng, theo hợp đồng vay tiền ngày 25/9/2015, được xác lập giữa bên cho vay bà Lê Thị X với bên vay ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H, tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm.

Khoản vay 300.000.000 đồng không tính lãi trong thời hạn hai tháng kể từ ngày ký hợp đồng, theo hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2014, được xác lập giữa bên cho vay bà Lê Thị X với bên vay ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H, tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm.

Khoản vay 600.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 28/7/2016, giữa ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H với bà Lê Thị X.

Căn cứ các hợp đồng nêu trên và căn cứ sự thừa nhận của của bà H, đồng thời bà H với tư cách đại diện ủy quyền của ông Lâm Văn T tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/02/2017, có cơ sở xác định ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H vay của bà Lê Thị X số tiền 1.300.000.000 đồng đến nay chưa trả. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị X buộc ông Lâm Văn T, bà Đặng Thị H phải trả cho bà Lê Thị X số tiền 1.300.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bên cho vay bà Lê Thị X với bên vay bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T được thực hiện, có nội dung hình thức khác quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015, cần áp dụng quy định của Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tiền nêu trên là chưa chính xác, không đúng quy định tại Điều 688 về Điều khoản chuyển tiếp đối với giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ Luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, điều chỉnh lại căn cứ pháp luật cho chính xác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm vừa căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 khoản 1, mục III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính – hướng dẫn việc xét xử thi hành án để tuyên trách nhiệm của đương sự do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là mâu thuẫn và không đúng quy định Bộ Luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, xét thấy cần sửa lại phần Quyết định này của bản án sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn – bà Lê Thị X có ông Lê Tấn T2 - đại diện theo ủy quyền, bị đơn – bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T (ông T có bà Đặng Thị H – đại diện theo ủy quyền) cùng thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể bà Lê Thị X đồng ý cho bị đơn - bà Đặng Thị H, ông Lâm Văn T trả số tiền nợ theo các hợp đồng vay tài sản là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trong thời hạn 08 tháng, mỗi tháng trả 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), thi hành việc trả nợ liên tục hàng tháng, trả vào ngày đầu tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2017, hạn chót việc trả nợ là ngày 01/4/2018.

Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 155/2017/DS – ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu, được tính trên số nợ phải trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Giá trị tài sản tranh chấp từ 800.000.000 đồng đến hai tỷ đồng, mức án phí là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng. Tiền án phí được tính:

$[36.000.000 \text{ đồng} + (200.000.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 42.000.000 \text{ đồng (bốn mươi hai triệu đồng)}.$

Về án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bị đơn không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì những lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 293, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2017/DSST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn – bà Lê Thị X có ông Lê Tấn T2 - đại diện theo ủy quyền, bị đơn – bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T (ông T có bà Đặng Thị H – đại diện theo ủy quyền) về việc:

1.1. Bị đơn - bà Đặng Thị H, ông Lâm Văn T trả cho nguyên đơn - bà Lê Thị X số tiền nợ vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Thực hiện việc trả tiền nợ trong thời hạn 08 tháng, mỗi tháng trả 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), thi hành việc trả nợ liên tục hàng tháng vào ngày đầu tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2017, hạn chót việc trả nợ là ngày 01/4/2018. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

1.2. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng), bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T phải nộp.

2.2. Hoàn trả bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0009712 ngày 04/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T không phải nộp. Bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), do ông T, bà H đã nộp theo biên lai thu số 0030795 ngày 12/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn, TP HCM;
- TAND huyện Hóc Môn, TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Mai**